



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Số: 2009/2021/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 (“Công ty”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất sau soát xét giữa niên độ sáu tháng đầu năm 2021 có lợi nhuận biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm 2020 cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sáu tháng đầu năm 2021 sau soát xét so với sáu tháng đầu năm 2020

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021 (1)	6 tháng đầu năm 2020 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.787.894.986	(17.510.810.887)	23.298.705.872

Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo riêng sáu tháng đầu năm 2021 tăng 23.298.705.872 đồng, chủ yếu đến từ (i) việc giảm chi phí thuê văn phòng do việc chuyển địa chỉ làm việc và trụ sở chính từ 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh sang 191 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Hồ Chí Minh và (ii) chuyển nhượng một phần sở hữu tại công ty con Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital..



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ sáu tháng đầu năm 2021 sau soát xét so với sáu tháng đầu năm 2020

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021 (1)	6 tháng đầu năm 2020 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế TNDN	(196.765.369.312)	2.485.917.222	(199.251.286.534)

Lợi nhuận sau thuế TNDN theo báo cáo hợp nhất sáu tháng đầu năm 2021 sau soát xét giảm 199.251.286.534 đồng, chủ yếu là do các mảng kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở mảng Thương mại đa kênh (Bán lẻ) từ sự ảnh hưởng nặng nề của hai đợt dịch trong nửa đầu năm 2021.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ sáu tháng đầu năm 2021 sau soát xét đã được đăng tải trên website của Công ty: www.yeah1group.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1



NGUYỄN ANH NHƯNG TỔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 24 ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên
Ông Don Di Lam	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Bảo	Thành viên
Ông Lý Trường Chiến	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Trần Quốc Bảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Lâm Quốc Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
Ông Niraan De Silva	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2021)
Ông Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Số 191, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 9 năm 2021. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11209
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		273.325.712.613	135.818.355.430
110	Tiền	3	1.648.778.919	2.157.496.953
111	Tiền		1.648.778.919	2.157.496.953
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		267.648.616.324	126.186.986.439
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	29.238.975.450	20.387.574.205
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	156.873.292.294	35.852.149.181
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	101.136.348.580	83.667.263.053
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(19.600.000.000)	(13.720.000.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		4.028.317.370	7.473.872.038
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	284.252.521	3.717.952.045
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	3.744.064.849	3.755.919.993

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.259.447.008.616	1.385.321.882.191
210	Các khoản phải thu dài hạn		90.703.662.739	195.373.295.758
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	78.515.343.236	183.165.234.665
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	12.188.319.503	12.208.061.093
220	Tài sản cố định		7.015.135.738	7.272.367.997
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	609.894.060	837.087.883
222	Nguyên giá		4.937.142.786	4.937.142.786
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.327.248.726)	(4.100.054.903)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	6.405.241.678	6.435.280.114
228	Nguyên giá		7.024.382.154	7.024.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(619.140.476)	(589.102.040)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.086.363.637	9.177.272.727
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.086.363.637	9.177.272.727
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.142.836.151.065	1.157.581.601.732
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.152.375.961.566	1.167.121.412.233
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	9.615.625.000	9.615.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(a), 4(b)	(19.155.435.501)	(19.155.435.501)
260	Tài sản dài hạn khác		13.805.695.437	15.917.343.977
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	13.805.695.437	15.917.343.977
270	TỔNG TÀI SẢN		1.532.772.721.229	1.521.140.237.621

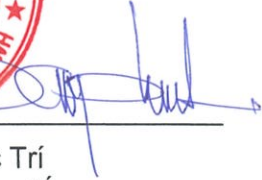
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		136.719.154.424	128.108.399.469
310	Nợ ngắn hạn		136.719.154.424	128.108.399.469
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	9.401.166.235	12.666.692.101
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	5.137.506.632	1.933.830.370
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.012.427.786	1.723.477.912
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	60.633.205.388	65.092.285.391
320	Vay ngắn hạn	16	59.534.848.383	46.692.113.695
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.396.053.566.805	1.393.031.838.152
410	Vốn chủ sở hữu		1.396.053.566.805	1.393.031.838.152
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		312.799.680.000	312.799.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	550.873.478.254	772.918.333.797
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	532.380.408.551	307.313.824.355
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		526.592.513.565	377.936.629.534
421b	- LNST chưa phân phối/(lỗ) của kỳ này/năm nay		5.787.894.986	(70.622.805.179)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.532.772.721.229	1.521.140.237.621


Nguyễn Thị Ngọc Nữ
Người lập/ Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 9 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.234.902.138	15.816.008.230
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.234.902.138	15.816.008.230
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(20.104.171.840)	(15.363.552.346)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.130.730.298	452.455.884
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25.645.252.917	18.094.975.474
22	Chi phí tài chính	(858.472.890)	(258.004.336)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(858.472.890)	(258.004.336)
25	Chi phí bán hàng	(123.474.498)	(123.474.498)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.763.334.607)	(35.493.418.912)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	11.030.701.220	(17.327.466.388)
31	Thu nhập khác	5.867.296	-
32	Chi phí khác	(897.092.738)	(183.344.498)
40	Lỗ khác	(891.225.442)	(183.344.498)
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	10.139.475.778	(17.510.810.886)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	(4.351.580.792)	-
52	Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	5.787.894.986	(17.510.810.886)


 Nguyễn Thị Ngọc Nữ
 Người lập/ Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Vinh
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính


 Đào Phúc Trí
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 9 năm 2021



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	10.139.475.778	(17.510.810.886)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	257.232.259	222.482.386
03	Các khoản dự phòng	5.880.000.000	3.920.000.000
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(25.645.252.916)	(18.094.975.474)
06	Chi phí lãi vay	858.472.890	258.004.336
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(8.510.071.989)	(31.205.299.638)
09	Tăng các khoản phải thu	(17.990.166.211)	(70.461.105.774)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(7.916.352.021)	1.310.700.051
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	5.545.348.064	(4.821.394.977)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	-	10.000.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả	(22.561.644)	(258.004.336)
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.503.119.750)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(30.396.923.551)	(95.435.104.674)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm các tài sản dài hạn khác	(454.545.455)	(60.440.000)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(167.474.122.754)	(54.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	151.102.871.070	94.500.688.384
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.221.216.000)	(29.088.900.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35.090.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức được chia	2.483.968	17.224.992.323
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	17.045.470.829	28.576.340.707
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn	74.883.567.260	109.680.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(62.040.832.572)	(98.680.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	12.842.734.688	11.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(508.718.034)	(55.858.763.967)
60	Tiền đầu kỳ	2.157.496.953	65.063.908.579
70	Tiền cuối kỳ	1.648.778.919	9.205.144.612

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được trình bày tại Thuyết minh 29.

 _____ Nguyễn Thị Ngọc Nữ Người lập/ Kế toán trưởng	 _____ Nguyễn Quang Vinh Phó Tổng Giám đốc Tài chính	  _____ Đào Phúc Trí Tổng Giám đốc Ngày 20 tháng 9 năm 2021
---	---	--

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán - Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 7 công ty sở hữu gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 12 công ty con sở hữu trực tiếp, 11 công ty sở hữu gián tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 62 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 66 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁCH CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (“bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh”), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (“bộ phận chia theo khu vực địa lý”). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4); và
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền mặt	400.319.801	446.892.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.248.459.118	1.710.604.217
	<u>1.648.778.919</u>	<u>2.157.496.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	30.6.2021			31.12.2020				
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	-	99,00	29.700.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, thiết kế website	99,00	14.850.000.000	(*)	-	99,00	14.850.000.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	-	99,98	399.900.000.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (**)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	81,21	79.133.333.333	(*)	-	96,67	90.000.000.000	(*)	-
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
6	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,98	588.167.412.233	(*)	-	99,98	588.167.412.233	(*)	-
7	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	99,70	15.640.000.000	(*)	-	99,70	15.640.000.000	(*)	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	70,00	10.315.000.000	(*)	4.997.435.501	70,00	10.310.000.000	(*)	4.997.435.501
9	Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	TP. Hồ Chí Minh	Cổng xử lý dữ liệu thông tin, dịch vụ thông tin, quảng cáo	99,98	8.348.216.000	(*)	-	99,98	7.132.000.000	(*)	-
10	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
12	Công ty Cổ phần Truyền thông On+	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	-	-	-	-	51,00	5.100.000.000	(*)	-
				1.152.375.961.566			11.297.435.501	1.167.121.412.233			11.297.435.501

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, một phần số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 16).

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	30.6.2021		31.12.2020	
				Quyền biểu quyết sở hữu %	Quyền biểu quyết năm giữ %	Quyền biểu quyết sở hữu %	Quyền biểu quyết năm giữ %
1	Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	99,63	100,00	64,98	65,00
2	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,98	100,00	99,98	100,00
3	Công ty Netlink Online Corporation	Seychelles	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	99,99	100,00	99,99	100,00
4	Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	69,03	85,00	82,17	85,00
5	Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	82,21	100,00	96,67	100,00
6	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim và dịch vụ thiết kế chuyên nghiệp	94,05	95,00	94,05	95,00
7	Công ty TNHH Thương mại Yeah1	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, dịch vụ quảng cáo	50,99	51,00	50,99	51,00
8	Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
9	Công ty ScaleLab Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
10	Công ty Thoughtful Network Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
11	Công ty Yeah1 Network Hong Kong Limited	Hong Kong	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	30.6.2021				31.12.2020			
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
Công ty Cổ phần Shopniess	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	1.757.625.000	(*)	-	10,00	1.757.625.000	(*)	-
			<u>9.615.625.000</u>		<u>7.858.000.000</u>		<u>9.615.625.000</u>		<u>7.858.000.000</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	646.223.637	279.151.517
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	28.592.751.813	20.108.422.688
	<u>29.238.975.450</u>	<u>20.387.574.205</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 30(b))(*)	156.873.292.294	35.852.149.181

(*) Số dư thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay với lãi suất từ 0%/năm đến 8,7%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(b) Dài hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 30(b))(*)	78.515.343.236	183.165.234.665

(*) Số dư thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay với lãi suất từ 0%/năm đến 8,7%/năm, có thời hạn cho vay trên 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2021		31.12.2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng cho nhân viên	73.207.110.703	-	59.337.805.454	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	17.500.000.000	(17.500.000.000)	17.500.000.000	(12.250.000.000)
Phải thu lãi vay	3.149.654.790	(2.100.000.000)	2.840.219.175	(1.470.000.000)
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	2.766.166.333	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	6.210.000.000	-	-	-
Đặt cọc	1.000.000.000	-	1.053.333.334	-
Phải thu khác	69.583.087	-	169.738.757	-
	<u>101.136.348.580</u>	<u>(19.600.000.000)</u>	<u>83.667.263.053</u>	<u>(13.720.000.000)</u>
Trong đó				
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	41.270.033.398	-	30.971.928.095	-
Bên thứ ba	59.866.315.182	(19.600.000.000)	52.695.334.958	(13.720.000.000)
	<u>101.136.348.580</u>	<u>(19.600.000.000)</u>	<u>83.667.263.053</u>	<u>(13.720.000.000)</u>

(*) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 Đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 Đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 Đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này (Thuyết minh 8).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 19.600.000.000 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	30.6.2021		31.12.2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đặt cọc	8.740.400.000	-	8.760.141.590	-
Bảo lãnh thanh toán (*)	3.447.919.503	-	3.447.919.503	-
	<u>12.188.319.503</u>	<u>-</u>	<u>12.208.061.093</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba	8.740.400.000	-	8.760.141.590	-
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	3.447.919.503	-	3.447.919.503	-
	<u>12.188.319.503</u>	<u>-</u>	<u>12.208.061.093</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến để sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.6.2021			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	<u>19.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(19.600.000.000)</u>	Trên 3 năm
	31.12.2020			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	<u>19.600.000.000</u>	<u>5.880.000.000</u>	<u>(13.720.000.000)</u>	Từ 2 đến 3 năm

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	275.559.646	761.266.506
Công cụ, dụng cụ	8.692.875	36.678.301
Chi phí thuê văn phòng	-	2.920.007.238
	<u>284.252.521</u>	<u>3.717.952.045</u>

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.717.952.045	4.938.748.466
Tăng	154.678.161	16.648.640.898
Phân bổ trong kỳ/năm	(3.588.377.685)	(17.869.437.319)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>284.252.521</u>	<u>3.717.952.045</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	9.215.574.406	10.377.684.901
Chi phí dịch vụ trả trước	3.873.898.801	4.621.019.895
Công cụ, dụng cụ	716.222.230	918.639.181
	<u>13.805.695.437</u>	<u>15.917.343.977</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	15.917.343.977	5.864.284.698
Tăng	-	12.278.684.873
Phân bổ trong kỳ/năm	(2.111.648.540)	(2.225.625.594)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>13.805.695.437</u>	<u>15.917.343.977</u>

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và 30 tháng 6 năm 2021	1.692.473.595	3.141.929.191	102.740.000	4.937.142.786
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.147.782.150	2.937.081.755	15.190.998	4.100.054.903
Khấu hao trong kỳ	97.685.989	123.474.498	6.033.336	227.193.823
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.245.468.139	3.060.556.253	21.224.334	4.327.248.726
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	544.691.445	204.847.436	87.549.002	837.087.883
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	447.005.456	81.372.938	81.515.666	609.894.060

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1.719.106.013 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.516.236.637 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	4.500.000.000	2.524.382.154	7.024.382.154
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	589.102.040	589.102.040
Khấu hao trong kỳ	-	30.038.436	30.038.436
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	619.140.476	619.140.476
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	4.500.000.000	1.935.280.114	6.435.280.114
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	4.500.000.000	1.905.241.678	6.405.241.678

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án triển khai thu thập dữ liệu điểm bán	-	4.090.909.090
Dự án khác	86.363.637	86.363.637
	<u>5.086.363.637</u>	<u>9.177.272.727</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2020 VND
Số dư đầu kỳ/năm	9.177.272.727	-
Mua sắm	454.545.455	9.177.272.727
Nhượng bán	(4.545.454.545)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>5.086.363.637</u>	<u>9.177.272.727</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2021		31.12.2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Phát triển UP	3.792.100.000	3.792.100.000	3.792.100.000	3.792.100.000
Công ty TNHH Truyền hình Kỹ thuật Số Miền Nam	2.197.499.999	2.197.499.999	2.197.499.999	2.197.499.999
Công Ty Luật TNHH ACS Legal Việt Nam	981.258.680	981.258.680	5.162.517.360	5.162.517.360
Khác	2.421.807.498	2.421.807.498	1.499.574.742	1.499.574.742
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	8.500.058	8.500.058	15.000.000	15.000.000
	<u>9.401.166.235</u>	<u>9.401.166.235</u>	<u>12.666.692.101</u>	<u>12.666.692.101</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

		Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp trong kỳ VND	Số đã cán trừ trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
(a) Phải thu						
	Thuế GTGT được khấu trừ	3.755.919.993	512.744.856	(524.600.000)	-	3.744.064.849
(b) Phải nộp						
	Thuế GTGT	-	783.235.423	(524.600.000)	(258.635.423)	-
	Thuế thu nhập cá nhân	1.928.830.370	1.733.001.896	-	(1.377.786.676)	2.284.045.590
	Thuế TNDN	-	4.351.580.792	-	(1.503.119.750)	2.848.461.042
	Thuế khác	5.000.000	155.343.563	-	(155.343.563)	5.000.000
		1.933.830.370	7.023.161.674	(524.600.000)	(3.294.885.412)	5.137.506.632

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Lương, thưởng cho nhân viên	786.000.000	1.720.107.912
Chi phí thuê văn phòng	623.700.000	-
Chi phí lãi vay	153.431.507	-
Khác	449.296.279	3.370.000
	<u>2.012.427.786</u>	<u>1.723.477.912</u>

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Nhận đặt cọc (*)	58.800.000.000	63.800.000.000
Chi phí lãi vay	705.041.383	22.561.644
Khác	1.128.164.005	1.269.723.747
	<u>60.633.205.388</u>	<u>65.092.285.391</u>
Trong đó		
Bên thứ ba	1.693.384.621	1.269.723.747
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	58.939.820.767	63.822.561.644
	<u>60.633.205.388</u>	<u>65.092.285.391</u>

(*) Số dư thể hiện khoản nhận đặt cọc theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ngày 23 tháng 10 năm 2020, về việc chuyển nhượng các phần mềm liên quan đến phân phối, quản lý điểm bán hàng và gói dữ liệu 450.000 điểm bán hàng có ngành hàng nước giải khát.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

16 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.6.2021 VND
Bên thứ ba (*)	-	42.242.000.000	-	42.242.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))(**)	46.692.113.695	32.641.567.260	(62.040.832.572)	17.292.848.383
	<u>46.692.113.695</u>	<u>74.883.567.260</u>	<u>(62.040.832.572)</u>	<u>59.534.848.383</u>

(*) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các cá nhân với lãi suất từ 2%/năm đến 27,3%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và được đảm bảo bằng một phần số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (Thuyết minh 4).

(**) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các bên liên quan với lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	-	31.279.968	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	7.731.408	24,72	7.981.408	25,52
Bà Trần Uyên Phương	6.935.890	22,17	6.935.890	22,17
Ancla Asset Ltd.	3.419.249	10,93	3.419.249	10,93
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	3.048.192	9,74	3.048.192	9,74
Cổ đông khác	10.145.229	32,44	9.895.229	31,64
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	100	31.279.968	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	31.279.968	312.799.680.000	312.799.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	312.799.680.000	1.132.143.560.000	(141.715.291.355)	72.547.195.571	1.375.775.144.216
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(70.622.805.179)	(70.622.805.179)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.343.011.950)	(2.343.011.950)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ	-	(307.732.445.913)	-	307.732.445.913	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(51.492.780.290)	141.715.291.355	-	90.222.511.065
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	312.799.680.000	772.918.333.797	-	307.313.824.355	1.393.031.838.152
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.787.894.986	5.787.894.986
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	(2.766.166.333)	(2.766.166.333)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ (ii)	-	(222.044.855.543)	-	222.044.855.543	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	312.799.680.000	550.873.478.254	-	532.380.408.551	1.396.053.566.805

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 số 2804/2021/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, ĐHĐCĐ thông qua việc phê duyệt thủ lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.766.166.333 Đồng.

(ii) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 2804/2021/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, ĐHĐCĐ thông qua việc sử dụng một phần thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, số thặng dư vốn cổ phần dùng để xóa lỗ lũy kế là 222.044.855.543 Đồng.

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(a) Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản mục tiền đã bao gồm 4.214,44 Đô la Mỹ và 109 chỉ vàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.195 Đô la Mỹ và 99 chỉ vàng).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 31.

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021	30.6.2020
	VND	VND
Doanh thu thuần về cho thuê mặt bằng và phí quản lý	16.351.629.411	14.996.712.775
Doanh thu thuần khác	4.883.272.727	819.295.455
	<u>21.234.902.138</u>	<u>15.816.008.230</u>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021	30.6.2020
	VND	VND
Giá vốn cho thuê mặt bằng và dịch vụ quản lý	15.558.717.295	14.996.712.775
Giá vốn khác	4.545.454.545	366.839.571
	<u>20.104.171.840</u>	<u>15.363.552.346</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021	30.6.2020
	VND	VND
Lãi thuần từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	25.333.333.333	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	311.919.584	7.094.975.474
Cổ tức được chia	-	11.000.000.000
	<u>25.645.252.917</u>	<u>18.094.975.474</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
Chi phí lãi vay	858.472.890	258.004.336

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.474.498	123.474.498

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.880.000.000	3.920.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.896.093.428	13.618.501.006
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	1.956.922.934	2.964.789.408
Chi phí nhân viên	1.173.866.719	8.792.603.296
Chi phí thuê văn phòng	653.649.660	4.888.505.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.757.761	99.007.888
Khác	69.044.105	1.210.011.722
	14.763.334.607	35.493.418.912

26 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
Tiền phạt thuế	850.404.413	-
Khác	46.688.325	183.344.498
	897.092.738	183.344.498

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021	30.6.2020
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	10.139.475.778	(17.510.810.886)
Thuế tính ở thuế suất 20%	2.027.895.156	(3.502.162.177)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(2.200.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	536.524.761	452.369.016
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	5.249.793.161
Dự phòng thiếu của các năm trước	1.787.160.875	-
Chi phí thuế TNDN (*)	4.351.580.792	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	4.351.580.792	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	4.351.580.792	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021	30.6.2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.333.866.719	13.732.812.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.030.830.598	30.140.361.180
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.880.000.000	3.920.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	257.232.259	222.482.386
Chi phí khác	943.596.824	2.964.789.408
	30.445.526.400	50.980.445.756

29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2021	30.6.2020
		VND	VND
(a)	Số tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn thực chi trong kỳ		
	Chi cho vay ngắn hạn	165.474.122.754	30.500.000.000
	Chi cho vay dài hạn	2.000.000.000	-
	Chi tiền gửi có kỳ hạn	-	23.500.000.000
		<u>167.474.122.754</u>	<u>54.000.000.000</u>
(b)	Số tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn thực thu trong kỳ		
	Thu hồi cho vay ngắn hạn	42.452.979.641	31.000.688.384
	Thu hồi cho vay dài hạn	108.649.891.429	-
	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	-	63.500.000.000
		<u>151.102.871.070</u>	<u>94.500.688.384</u>
(c)	Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
	Vay theo kế ước thông thường	<u>74.883.567.260</u>	<u>109.680.000.000</u>
(d)	Số tiền đi vay thực trả trong kỳ		
	Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>62.040.832.572</u>	<u>98.680.000.000</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Giải trí Rộng	Công ty con
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ Phần Yeah1 Publishing	Công ty con
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	Công ty con
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Công ty con
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	Công ty con
	Công ty con (thoái vốn tại ngày 17 tháng 5 năm 2021)
Công ty Cổ phần Truyền thông On+	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty
Công ty TNHH Yeah1 Vision	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Ban Tổng Giám đốc
Ông Đào Phúc Trí	Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Bên liên quan khác
Ông Võ Thái Phong	

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021	30.6.2020
	VND	VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	10.158.307.300	180.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	1.710.000.000	1.969.840.655
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.655.205.982	1.742.102.667
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	1.270.897.376	1.190.935.901
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.248.970.210	534.813.928
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.165.129.504	648.626.105
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	1.019.642.805	1.020.135.402
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	600.000.000	4.029.960.568
Công ty Cổ Phần Yeah1 Publishing	440.000.000	1.947.787.100
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	217.788.177	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	215.472.476	578.216.475
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	139.902.088	126.535.279
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	109.629.098	180.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	18.290.961	-
Công ty Cổ phần AppNews	9.084.345	150.000.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	-	835.793.060
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	-	377.613.662
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	62.101.973
	<u>19.978.320.322</u>	<u>15.574.462.775</u>
ii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	7.727.325	-
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	-	270.100.000
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	8.000.000
	<u>7.727.325</u>	<u>278.100.000</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
iii) Cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	80.667.014.500	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	71.866.682.095	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	4.071.000.000	9.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	2.936.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.947.167.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	1.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.677.240.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	859.188.358	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	683.112.001	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	633.378.800	3.000.000.000
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	33.340.000	-
	<u>167.474.122.754</u>	<u>30.500.000.000</u>
iv) Thu hồi cho vay		
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	91.818.585.324	5.390.688.384
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	25.671.306.105	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	23.535.941.856	-
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	5.836.418.985	610.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.677.240.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	760.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	633.378.800	4.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	70.000.000	-
	<u>151.102.871.070</u>	<u>31.000.688.384</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
v) Tiền lãi cho vay		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	223.150.684	214.356.163
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	86.284.931	86.714.644
	<u>309.435.615</u>	<u>301.070.807</u>
vi) Vay		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	10.598.333.000	-
Ông Võ Thái Phong	6.999.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	6.782.760.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	5.561.474.260	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	2.000.000.000	-
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	-	102.390.000.000
	<u>32.641.567.260</u>	<u>102.390.000.000</u>
vii) Trả tiền vay		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	37.467.209.200	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	14.099.410.372	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.474.213.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	-	102.390.000.000
	<u>62.040.832.572</u>	<u>102.390.000.000</u>
viii) Chi phí lãi vay		
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	222.226.028	-
Ông Võ Thái Phong	27.228.985	-
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	3.797.261	-
	<u>253.252.274</u>	<u>-</u>
ix) Hoàn trả đặt cọc		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	5.000.000.000	-

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2021 VND	30.6.2020 VND
x) Tạm ứng		
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tổng	11.915.074.666	884.678.827
Ông Võ Thái Phong	10.980.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	32.141.440	3.631.384.360
Ông Nguyễn Văn Cang	-	9.023.850
	<u>22.927.216.106</u>	<u>4.525.087.037</u>
xi) Thu hồi tạm ứng		
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tổng	12.148.259.418	599.018.347
Ông Võ Thái Phong	4.000.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	23.000.000	4.037.186.228
Ông Nguyễn Văn Cang	-	13.500.000
	<u>16.171.259.418</u>	<u>4.649.704.575</u>
xii) Góp vốn		
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	1.216.216.000	4.200.000.000
Công ty Cổ phần AppNews	5.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	-	21.176.900.000
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	-	12.000.000
	<u>1.221.216.000</u>	<u>29.088.900.000</u>
xiii) Thoái vốn		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	10.866.666.667	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	5.100.000.000	-
	<u>15.966.666.667</u>	<u>-</u>
xiv) Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	11.000.000.000
	<u>-</u>	<u>11.000.000.000</u>
xv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.032.500.000	3.538.666.667
	<u>4.032.500.000</u>	<u>3.538.666.667</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	5.612.852.755	711.702.861
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	4.691.652.082	3.526.522.578
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	2.625.603.374	2.410.130.898
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	2.364.380.769	2.224.478.681
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	2.098.560.494	2.102.560.494
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	1.710.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.655.205.982	1.525.357.979
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	1.270.897.376	4.230.410.015
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.248.970.210	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	1.019.642.805	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	771.303.797	771.303.797
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	635.525.000	841.057.366
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	628.828.821	519.199.723
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	600.000.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	540.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Truyền Thông Số 1	502.128.313	284.340.136
Công ty Cổ Phần Yeah1 Publishing	440.000.000	811.533.432
Công ty TNHH Yeah1 Vision	149.824.729	149.824.728
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	18.290.961	-
Công ty Cổ phần AppNews	9.084.345	-
	<u>28.592.751.813</u>	<u>20.108.422.688</u>

ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))

Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	73.389.072.644	16.258.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	66.266.682.095	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	8.317.167.000	7.470.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	3.770.730.196	5.536.149.181
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	2.866.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	1.547.188.358	2.688.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	683.112.001	-
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	33.340.000	-
Công Ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	-	3.900.000.000
	<u>156.873.292.294</u>	<u>35.852.149.181</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	43.508.296.739	129.526.882.063
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	15.708.203.328	35.779.509.433
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	6.238.843.169	6.238.843.169
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	3.560.000.000	4.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	2.000.000.000	-
	<u>78.515.343.236</u>	<u>183.165.234.665</u>
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Ông Nguyễn Vũ Nghi	15.000.000.000	15.000.000.000
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	11.121.283.990	10.634.470.242
Ông Võ Thái Phong	6.980.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	5.027.313.773	4.406.169.333
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	2.010.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	701.178.079	478.027.395
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	348.476.711	262.191.780
Công ty TNHH Yeah1 Vision	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	16.740.845	16.740.845
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	5.040.000	5.040.000
Ông Nguyễn Văn Cang	-	109.288.500
	<u>41.270.033.398</u>	<u>30.971.928.095</u>
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	<u>3.447.919.503</u>	<u>3.447.919.503</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	8.500.058	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	11.000.000
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	-	4.000.000
	<u>8.500.058</u>	<u>15.000.000</u>
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	58.800.000.000	63.800.000.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	68.794.521	22.561.644
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	43.797.261	-
Ông Võ Thái Phong	27.228.985	-
	<u>58.939.820.767</u>	<u>63.822.561.644</u>
viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Ông Võ Thái Phong	6.999.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	5.308.547.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần AppNews	1.919.268.183	1.919.268.183
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	366.033.200	32.271.768.140
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	3.501.077.372
	<u>17.292.848.383</u>	<u>46.692.113.695</u>

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30.6.2021 VND	31.12.2020 VND
Dưới 1 năm	17.620.800.000	18.795.188.626
Từ 1 đến 5 năm	69.043.200.000	77.879.870.229
Trên 5 năm	-	5.221.392.000
	<u>86.664.000.000</u>	<u>101.896.450.855</u>
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>86.664.000.000</u>	<u>101.896.450.855</u>

32 NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang xảy ra tranh chấp liên quan đến một hợp đồng mua bán tài sản. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa trích lập dự phòng khoản nợ liên quan đến vụ tranh chấp này do kết quả sau cùng chưa được xác định.

33 THÔNG TIN KHÁC

Sự lây lan của Virus Covid-19 là một tình huống đầy khó khăn và thách thức cho tất cả các ngành nghề kinh doanh. Công ty đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động kinh doanh và sẽ tiếp tục theo dõi và đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh.

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ này.

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.000.000.000	33.852.149.181	35.852.149.181
136	Phải thu ngắn hạn khác	117.519.412.234	(33.852.149.181)	83.667.263.053
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7.500.000.000	175.665.234.665	183.165.234.665
216	Phải thu dài hạn khác	187.873.295.758	(175.665.234.665)	12.208.061.093
Mã số	NGUỒN VỐN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
319	Phải trả ngắn hạn khác	102.784.399.086	(37.692.113.695)	65.092.285.391
320	Vay ngắn hạn	9.000.000.000	37.692.113.695	46.692.113.695

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 20 tháng 9 năm 2021.


 Nguyễn Thị Ngọc Nữ
 Người lập/ Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Vinh
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính


 Đào Phúc Trí
 Tổng Giám đốc